

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2002/QĐ-UB

Cần Thơ, ngày 07 tháng 5 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về tổ chức quản lý, cung cấp và khai thác thông tin
trên mạng tin học diện rộng của tỉnh Cần Thơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 21/6/1994;

Căn cứ Quyết định số 280/TTg ngày 29/4/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng mạng tin học diện rộng để truyền nhận thông tin trong các cơ quan hành chính Nhà nước; Công văn số 213/VPCP-TTTH ngày 19/01/1998 của Văn phòng Chính phủ về việc vận hành mạng tin học diện rộng của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 21/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58/CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá giai đoạn 2001-2005;

Căn cứ Quyết định 112/2001/QĐ-TTg ngày 25/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2005;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về tổ chức quản lý, cung cấp và khai thác thông tin trên mạng tin học diện rộng của tỉnh Cần Thơ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ
CHỦ TỊCH
Nguyễn Phong Quang

QUY CHẾ

**VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN TRÊN MẠNG TIN HỌC DIỆN
RỘNG CỦA TỈNH CẦN THƠ**

(Ban hành theo Quyết định số: 62/2002/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 2002 của UBND tỉnh Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mạng tin học diện rộng của tỉnh Cần Thơ là mạng máy tính liên kết Trung tâm dữ liệu của các Mạng thành viên: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ban, Ngành tỉnh, UBND TP.Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện; phục vụ việc cung cấp thông tin hỗ trợ cho công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý Nhà nước của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh.

Mạng tin học diện rộng của tỉnh (gọi tắt là Mạng) gồm 2 bộ phận: mạng công vụ và mạng liên kết ngoài.

- Mạng công vụ : là phần mạng máy tính chỉ phục vụ trong hệ thống các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

- Mạng liên kết ngoài: là phần mạng máy tính dùng để liên kết với các dịch vụ công cộng khác (Internet, dịch vụ công...).

Điều 2. Các dịch vụ kỹ thuật của Mạng (kể cả bộ phận mạng công vụ và mạng liên kết ngoài) gồm:

1. Cung cấp khai thác trực tuyến các kho dữ liệu, tài nguyên tính toán tại các Trung tâm dữ liệu (chỉ dùng cho bộ phận mạng công vụ);
2. Cung cấp nội dung thông tin, dữ liệu theo yêu cầu;
3. Cung cấp thông tin thông qua giao diện WEB (Trang tin Hành chính, Trang tin Cần Thơ...);
4. Truyền tập tin và thông tin dữ liệu đa phương tiện;
5. Thư điện tử.

Điều 3. Đối tượng được phép sử dụng Mạng, gồm:

1. Các tổ chức và cá nhân tham gia mạng công vụ được quyền truy cập trực tuyến và được phép khai thác các cơ sở dữ liệu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Mạng, được quyền khai thác toàn bộ các dịch vụ của Mạng;
2. Các cá nhân được tham gia khai thác các dịch vụ của phần mạng liên kết ngoài;
3. Các mạng thành viên được phép kết nối theo kiểu mạng cục bộ với mạng cục bộ (LAN to LAN) để khai thác các dịch vụ của Mạng theo thẩm quyền cho phép.

Điều 4. Ban quản lý điều phối Mạng, do UBND tỉnh quyết định thành lập, Trưởng ban là Chánh hoặc Phó Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm Tin học Văn phòng UBND tỉnh làm nhiệm vụ kỹ thuật quản trị hệ thống Mạng.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ MẠNG

Điều 5. Các cá nhân tham gia vào Mạng thông qua mạng cục bộ tại đơn vị quản lý của mình, và phải tuân theo các quy định sau:

1. Chịu trách nhiệm quản lý các trang thiết bị do đơn vị giao và được quyền sử dụng các trang thiết bị theo quy định. Trong quá trình sử dụng nếu xảy ra sự cố gây hư hỏng trang thiết bị thì phải ghi lại nguyên nhân và báo cáo cho bộ phận quản trị hệ thống của đơn vị biết để xử lý;
2. Được quyền khai thác các tài nguyên trên Mạng (cơ sở dữ liệu, phần mềm, thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh và các thông tin khác,...) theo đúng quyền hạn do Thủ trưởng đơn vị quy định và được bộ phận quản trị hệ thống của đơn vị phân cấp, phân quyền truy nhập thông tin trên Mạng;
3. Không được tự ý di chuyển đường cáp và các thiết bị mạng; không được can thiệp vào phần cứng của các thiết bị tin học, kể cả các thiết bị có trách nhiệm quản lý;
4. Không được tự ý cài đặt các phần mềm vào máy trạm nếu không được sự đồng ý của bộ phận quản trị hệ thống; không được tự ý xóa bỏ hoặc can thiệp vào bất kỳ phần mềm nào đã được cài đặt trên Mạng;
5. Không được tiết lộ mật khẩu truy cập vào Mạng; phải tuân thủ các qui định cụ thể về truy nhập, khai thác sử dụng máy...do bộ phận quản trị hệ thống đề xuất và được Thủ trưởng đơn vị thông qua.

Điều 6. Mạng cục bộ trong các cơ quan, đơn vị có bộ phận chuyên trách làm nhiệm vụ quản trị hệ thống gồm: quản trị mạng và quản lý các thiết bị tin học, quản trị các cơ sở dữ liệu, quản lý các phần mềm và thông tin trên mạng cục bộ đó. Bộ phận quản trị này có các chức năng, nhiệm vụ sau:

1. Đảm bảo sự kết nối thông suốt mạng cục bộ của đơn vị với máy chủ trung tâm Mạng;
2. Quản lý đường cáp và các thiết bị mạng (Hub, Switch, Connector, firewall, UPS...);

3. Lập kế hoạch bảo trì các trang thiết bị, thực hiện thay thế, bổ sung, thay đổi vị trí lắp đặt các thiết bị tin học trên mạng do mình quản lý khi có nhu cầu;
4. Đảm bảo cho mạng cục bộ của đơn vị hoạt động thông suốt. Bảo đảm an toàn, bảo mật các thông tin truyền dẫn trong Mạng;
5. Quản lý quyền truy nhập của tất cả các người dùng trong mạng, phòng chống virus trong mạng;
6. Quản trị các cơ sở dữ liệu gồm: cơ sở dữ liệu dùng chung của đơn vị và phần cơ sở dữ liệu của Mạng được phân quyền quản lý. Nội dung quản trị cơ sở dữ liệu là: quản lý việc cập nhật, bổ sung mới dữ liệu, thiết kế, sửa đổi cấu trúc cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý, phân quyền khai thác dữ liệu cho các đối tượng người dùng, bảo mật, sao lưu dữ liệu;
7. Quản lý các phần mềm hệ thống và các phần mềm dùng chung trên Mạng.

Điều 7. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm quản lý Trung tâm tích hợp dữ liệu của Mạng, Trung tâm Tin học Văn phòng UBND tỉnh làm nhiệm vụ quản trị hệ thống Mạng có các nhiệm vụ sau:

1. Quản trị kỹ thuật hệ thống thông tin quản lý và mạng cục bộ tại Văn phòng UBND tỉnh;
 2. Quản lý đường cáp và các thiết bị mạng gồm cả các thiết bị được đấu nối với các mạng cục bộ, với các thiết bị tin học khác của các đơn vị chức năng và các cá nhân tham gia vào Mạng;
 3. Lập kế hoạch bảo trì các trang thiết bị, thực hiện thay thế, bổ sung, thay đổi vị trí lắp đặt các thiết bị tin học trên Mạng do mình quản lý khi có nhu cầu;
- Nâng cấp các phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng để tương thích với mạng diện rộng của Chính phủ;
4. Bảo đảm thông suốt việc cung cấp và thu nhận thông tin-dữ liệu theo quy định từ Trung tâm tích hợp dữ liệu đến các mạng thành viên và người sử dụng trên Mạng; đảm bảo an toàn, bảo mật các thông tin truyền trong Mạng;
 5. Quản lý quyền truy cập của các mạng cục bộ thành viên, của tất cả các người dùng có quyền truy nhập trực tiếp vào máy chủ của Mạng;
 6. Phòng chống và hướng dẫn các mạng cục bộ thành viên phòng chống virus trong Mạng;
 7. Quản trị các cơ sở dữ liệu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Mạng bao gồm: quản lý việc cập nhật, bổ sung mới dữ liệu từ các mạng cục bộ thành viên và các đối tượng người dùng khác được phép; phân cấp và phân quyền khai thác dữ liệu cho các mạng cục bộ thành viên và các đối tượng người dùng, bảo mật dữ liệu, tổ chức định kỳ sao lưu dữ liệu,... quản lý các phần mềm hệ thống và các phần mềm dùng chung trên Mạng.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Điều 8. Thông tin truyền nhận trên Mạng gồm các thể loại thông tin sau đây, trừ các văn bản có nội dung mật và tối mật:

1. Công báo Chính phủ, các văn bản qui phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành theo Quy định tại Điều 23 Nghị định 101/CP ngày 23/9/1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật;
2. Các báo cáo định kỳ về kinh tế-xã hội (tuần, tháng, 6 tháng, năm), các chương trình công tác;
3. Các chỉ tiêu kinh tế-xã hội;
4. Các văn bản hành chính khác khi được cấp thẩm quyền phê duyệt;
5. Thông tin chuyên đề về kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá-xã hội,...;
6. Lịch làm việc của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
7. Thư điện tử trao đổi công tác;

8. Các thông tin khác do UBND tỉnh quyết định;

9. Thông tin trên Trang tin hành chính của UBND tỉnh.

Điều 9. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND TP Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các huyện và các đơn vị cơ sở phải có trách nhiệm thực hiện tốt chế độ thông tin gửi về Văn phòng UBND tỉnh qua Mạng bao gồm:

a/. Các báo cáo định kỳ về kinh tế-xã hội: báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm; báo cáo đột xuất và các chương trình công tác theo Chỉ thị 11/2000/CT.UB ngày 27 tháng 4 năm 2000 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ. Về việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo.

b/. Các văn bản hành chính do Sở ngành, địa phương ban hành.

c/. Các dự thảo văn bản trình UBND tỉnh ban hành như: Kế hoạch, Quyết định, Chỉ thị, Công văn...

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, xử lý thông tin và đưa lên Mạng.

Điều 10. Chuẩn công nghệ thông tin:

1. Thống nhất sử dụng hệ điều hành Windows, hệ quản trị cơ sở dữ liệu Lotus Notes cho các ứng dụng quản lý và gửi nhận văn bản giữa các cơ quan hành chính Nhà nước, trao đổi thư tín điện tử...

2. Giao thức kết nối giữa các Mạng là TCP/IP đối với đường truyền tốc độ cao (X25, HDSL, Fiber...) và PPP hoặc XPC đối với kết nối dùng điện thoại.

3. Mẫu văn bản, báo cáo được qui định thống nhất; toàn văn văn bản hành chính gửi nhận trên Mạng phải đảm bảo đầy đủ các yếu tố qui định của thể thức văn bản hành chính thực hiện theo Quy chế về hình thức, thể thức, kỹ thuật trình bày, thủ tục trình ký văn bản quản lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước các cấp thuộc tỉnh Cần Thơ được ban hành tại Quyết định số 90/1999/QĐ-UB ngày 10 tháng 12 năm 1999 và Quyết định số 63/2001/QĐ-UB ngày 13 tháng 11 năm 2001.

4. Văn bản chính thức được phát hành, truyền nhận qua Mạng có tính trao đổi thông tin; do đó, đồng thời với việc truyền các văn bản trên mạng diện rộng, các đơn vị vẫn phải gửi văn bản chính theo phương thức truyền thống đến các cơ quan liên quan.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MẠNG

Điều 11. Về tổ chức vận hành Mạng:

1. Các mạng cục bộ tham gia Mạng đều phải đảm bảo về quy định kỹ thuật an toàn Mạng (có bức tường lửa và các phương tiện bảo mật khác theo hướng dẫn thống nhất cấp quốc gia).

Việc kết nối vào mạng Internet của Mạng phải qua phần liên kết ngoài, tuân theo quy định hiện hành của Chính phủ và của Ban điều phối quốc gia về Internet.

2. Tất cả các máy trạm khai thác thông tin trong Mạng đều phải tạo lập chế độ lưu giữ thông tin theo phân cấp quy định. Khi máy hỏng, hay cần sửa chữa, thay thế, nhất thiết phải gỡ thiết bị lưu trữ thông tin hoặc xóa hết các thông tin dữ liệu và các phần mềm ứng dụng liên quan đến công tác điều hành quản lý của đơn vị được lưu trên máy.

3. Khi các mạng cục bộ có nhu cầu kết nối, mở rộng thêm máy trạm mới nhất thiết phải thông báo cho bộ phận quản trị hệ thống của Mạng biết để đưa vào danh mục quản lý trước khi cài đặt.

Điều 12. Về thông tin dữ liệu:

1. Các thông tin dữ liệu lưu giữ trên Mạng phải được định kỳ sao chép trên băng từ, đĩa từ và lưu trữ theo Quy chế lưu trữ hiện hành của Nhà nước tại Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dự phòng (nếu có).

2. Bộ phận quản trị hệ thống Mạng chịu trách nhiệm trình và áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn cho Mạng; bảo vệ các cơ sở dữ liệu; tổ chức phân quyền cho người sử dụng trực tuyến và các Mạng thành viên khác trong việc khai thác thông tin dữ liệu trong Trung tâm tích hợp dữ liệu của Mạng do các cấp lãnh đạo có thẩm quyền quy định.

3. Bộ phận quản trị hệ thống phải có kế hoạch thường xuyên kiểm tra hoạt động của các phần mềm hệ thống và phần mềm dùng chung trên Mạng để phát hiện các sự cố (nhất là virus) và tìm giải pháp khắc phục.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ:

1. Là cơ quan trực tiếp quản lý Mạng, có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất về công tác chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển Mạng, xác định chuẩn công nghệ thông tin và thông tin, đảm bảo hoạt động an toàn trên Mạng; đồng thời, báo cáo định kỳ tình hình vận hành Mạng về Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin tỉnh và Ban Điều hành Đề án tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005.

Hàng năm, Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ dự toán kinh phí từ Đề án tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2005 và các nguồn kinh phí khác để chi cho hoạt động của Mạng và phát triển các ứng dụng trên Mạng.

2. Trung tâm Tin học Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc và đề xuất những vấn đề liên quan đến việc triển khai, phát triển Mạng với Chánh Văn phòng UBND tỉnh; đồng thời tiến hành điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai và quản lý Mạng.

Điều 14. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các huyện có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, địa bàn trực thuộc tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, quản lý, cung cấp và khai thác thông tin trên Mạng tin học diện rộng của tỉnh Cần Thơ.

Điều 15. Điều khoản thi hành.

1. Quy chế này áp dụng cho tất cả các cơ quan, đơn vị và cá nhân tham gia trong Mạng, nhằm thực hiện tốt việc quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ Mạng.

2. Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện Quy chế này, nhằm đảm bảo hoạt động thông suốt, an toàn, an ninh thông tin trên Mạng.

Đơn vị, cá nhân nào vi phạm Quy chế, làm thiệt hại đến tài sản, thiết bị thông tin, dữ liệu trên Mạng sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật./.